

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/KDTM-ST
Ngày: 26/11/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Việt Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Thuận**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thúy Oanh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Như Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23, 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/KDTM-ST ngày 19/3/2018 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2018, Thông báo thay đổi ngày xét xử ngày 15 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 11 năm 2018, Thông báo thay đổi ngày xét xử ngày 07 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Fu

Địa chỉ: Tầng 7, số 434 T, phường PH, quận H, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty Fu là ông **Đào Duy H** (Hợp đồng ủy quyền Số 3010/2018/HĐUQ ngày 30/10/2018). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty SD – NT

Địa chỉ: Số 6 Bãi Dương, phường V, TP. NT, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền là ông **Nguyễn Xuân S** – Trưởng phòng kinh tế - tổng hợp (Giấy ủy quyền đại diện hợp pháp cho Công ty SD - NT số 65/2018/UQ-SĐNT-HĐQT ngày 04 tháng 10 năm 2018 của ông Nguyễn Hoàng H – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giấy ủy quyền số 167/GUQ/CT-KTTH ngày 02 tháng 11 năm 2018 của ông Nguyễn Phương B – Tổng Giám đốc). Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2017 của Công ty Fu và tại phiên tòa, ông Đào Duy H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16 tháng 3 năm 2015, Công ty SĐ – NT(*Bên A*), (gọi tắt là Công ty SĐ – NT) và Công ty TNHH TM XNK Tổng hợp P nay là Công ty Fu (*Bên B*), (gọi tắt là Công ty Fu) ký kết Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL, hạng mục: Cung cấp và lắp đặt thang máy chợ truyền thống thuộc Dự án CĐ – NT. Nội dung cơ bản như sau:

Nội dung công việc (Điều 3): Công ty Fu có trách nhiệm cung cấp và lắp đặt cho Công ty SĐ - NT 02 (hai) thang máy tải hàng kèm người loại có phòng máy.

Giá (Điều 7): Giá trị hợp đồng là 1.190.000.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi triệu đồng) bao gồm: Giá thiết bị thang máy về tới chân công trình, vật tư lắp đặt, chi phí lắp đặt, hiệu chỉnh, tổ chức kiểm tra thang máy cấp giấy chứng nhận thang máy đủ điều kiện an toàn sử dụng và thuế GTGT 10%.

Tiến độ thanh toán (Điều 8):

- Kỳ 1: Bên A tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng sau khi nhà thầu bảo lãnh tạm ứng của một ngân hàng hợp đồng hợp pháp tại Việt Nam.... Bên A khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng hợp đồng vào giá trị thanh toán lần đầu của Bên B.

- Kỳ 2: Sau khi vật tư thiết bị đồng bộ của hai thang máy về tới chân công trình, được kiểm tra và nghiệm thu cho phép lắp dựng, trong vòng 15 ngày Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 60% giá trị của hợp đồng (đã bao gồm giá trị tạm ứng).

- Kỳ 3: Trong vòng 15 ngày, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 97% giá trị hợp đồng khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- 03% giá trị hợp đồng còn lại Bên A sẽ thanh toán cho Bên B khi Bên B xuất trình chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoạt động hợp pháp ở Việt Nam với giá trị tương đương và thời hạn của bảo lãnh bằng thời hạn bảo hành của công trình là 24 tháng.

Thưởng, phạt vi phạm hợp đồng (Điều 15):

Khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL: “Nếu đến thời hạn thanh toán theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này, nhưng Bên A chậm thanh toán thì phải bồi thường cho Bên B theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng tại ngân hàng nơi Bên B mở tài khoản từ ngày hết hạn thanh toán.

Nghĩa vụ thanh toán được coi là hoàn thành khi Bên A trả đủ số tiền được thanh toán của Bên B theo Điều 8 của Hợp đồng”.

Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 21/4/2015 Công ty SĐ - NT tạm ứng Kỳ 1 cho Công ty Fu số tiền là 238.000.000 đồng. Ngày 10/9/2015, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị đồng bộ của hai thang máy về tới chân công trình, nghiệm thu cho phép lắp dựng. Ngày 09/10/2015, Công ty Fu đã xuất hóa đơn số 0000442 thanh toán 60% giá trị hợp đồng kinh tế cho Công ty SĐ - NT và ngày 13/4/1016 Công ty SĐ - NT mới thanh toán Kỳ 2 số tiền 476.000.000 đồng cho Công ty Fu. Tổng số tiền Công ty SĐ - NT thanh toán cho Công ty Fu là 714.000.000 đồng tương đương 60% giá trị Hợp đồng số 05/2015/CĐ-HĐXL, còn lại số tiền là 476.000.000 đồng tương đương 40% giá trị hợp đồng.

Ngày 22/6/2016, hai bên đã lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng và Công ty SĐ - NT đã đưa công trình vào sử dụng từ ngày 22/6/2016.

Từ đó đến nay, Công ty Fu đã nhiều lần yêu cầu Công ty SĐ - NT thanh toán 40% giá trị hợp đồng là 476.000.000 đồng bằng văn bản ủy quyền cho Công ty Luật TNHH G. Công ty SĐ - NT đã có công văn số 147/SDNT-CD ngày 08/8/2017 và Công văn số 162/2017/SDNT-CD ngày 28/8/2017 hẹn thanh toán một lần công nợ trước ngày 30/9/2017 nhưng đến nay Công ty SĐ - NT vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu số tiền trên.

Nay tại phiên tòa, Công ty Fu yêu cầu Công ty SĐ - NT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu các khoản tiền sau:

- Khoản tiền Kỳ 3 là 461.720.000 đồng bị vi phạm từ ngày 08/7/2016 (ngày vi phạm sau 15 ngày, tính từ ngày 23/6/2016 nghiệm thu công trình) theo Điều 8 của Hợp đồng;

- Khoản tiền 03% giá trị hợp đồng còn lại với số tiền là 14.280.000 đồng bị vi phạm từ ngày 23/6/2018 (ngày kết thúc thời hạn bảo hành 24 tháng tính từ ngày 22/6/2016 nghiệm thu công trình), theo Điều 8 của Hợp đồng;

Tổng cộng hai khoản là 476.000.000 đồng theo qui định tại Điều 8 của Hợp đồng số 05/2015/CD-HĐXL;

- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 08/7/2016 đến ngày xét xử 23/11/2018 của số tiền Kỳ 3 bị vi phạm là 461.720.000 đồng là: $461.720.000 \text{ đồng} \times 8,9\%/360 \text{ ngày} \times 867 \text{ ngày chậm thanh toán} = 98.965.834 \text{ đồng}$, theo qui định tại Khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng;

- Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 23/6/2018 đến ngày xét xử 23/11/2018 của số tiền 03% giá trị còn lại bị vi phạm là 14.280.000 đồng là: $14.280.000 \text{ đồng} \times 8,9\%/360 \text{ ngày} \times 153 \text{ ngày chậm thanh toán} = 540.141 \text{ đồng}$, theo qui định tại Khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng;

- Tiền lãi phát sinh chậm thanh toán của số tiền 476.000.000 đồng, tính từ ngày 24/11/2018 cho đến khi trả xong số tiền 476.000.000 đồng theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng tại ngân hàng nơi Bên B mở tài khoản từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CD-HĐXL.

- Tại phiên tòa, ông Nguyễn Xuân S đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 16 tháng 3 năm 2015, Công ty SĐ – NT(Bên A), và Công ty TNHH TM XNK Tổng hợp P nay là Công ty Fu (Bên B), ký kết Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CD-HĐXL, hạng mục: Cung cấp và lắp đặt thang máy chợ truyền thống thuộc Dự án CD – NT.

Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 21/4/2015 Công ty SĐ - NT tạm ứng Kỳ 1 cho Công ty Fu số tiền là 238.000.000 đồng. Ngày 10/9/2015, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị đồng bộ của hai thang máy về tới chân công trình,

nghiệm thu cho phép lắp dựng. Ngày 09/10/2015, Công ty Fu đã xuất hóa đơn số 0000442 thanh toán 60% giá trị hợp đồng kinh tế cho Công ty SĐ - NT và ngày 13/4/1016 Công ty SĐ - NT mới thanh toán Kỳ 2 số tiền 476.000.000 đồng cho Công ty Fu. Tổng số tiền Công ty SĐ - NT thanh toán cho Công ty Fu là 714.000.000 đồng tương đương 60% giá trị Hợp đồng số 05/2015/CĐ-HĐXL, giá trị hợp đồng còn lại là 476.000.000 đồng.

Ngày 22/6/2016, hai bên đã lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng và Công ty SĐ - NT đã đưa công trình vào sử dụng từ ngày 22/6/2016. Sau khi lập Biên bản nghiệm thu công trình nhưng Công ty Fu không lập hồ sơ thủ tục thanh toán cho Công ty SĐ - NT nên đến nay Công ty SĐ - NT chưa thanh toán giá trị hợp đồng còn lại là 476.000.000 đồng cho Công ty Fu. Do Công ty Fu không lập hồ sơ thủ tục thanh toán cho Công ty SĐ - NT nên Công ty SĐ - NT không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

*** Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Fu khởi kiện Công ty SĐ - NT về việc yêu cầu Công ty SĐ - NT thanh toán tiền thang máy theo Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL. Vì vậy quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Fu yêu cầu Công ty SĐ - NT thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu 476.000.000 đồng theo qui định tại Điều 8 của Hợp đồng số 05/2015/CĐ-HĐXL và các khoản tiền lãi chậm thanh toán theo qui định tại Khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng, về thời gian vi phạm và mức lãi suất, kể cả tiền lãi phát sinh của hợp đồng sau ngày xét xử 23/11/2018 là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn các khoản tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Về án phí: Công ty SĐ - NT phải chịu toàn bộ tiền án phí theo qui định. Hoàn lại cho Công ty Fu tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ và tranh tụng của hai bên đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho đại diện hợp pháp của bị đơn được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai, tiếp cận, giao nộp, chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Fu khởi kiện Công ty SĐ - NT về việc yêu cầu Công ty SĐ - NT thanh toán tiền thang máy theo Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL. Căn cứ vào Hợp đồng số 05/2015/CĐ-HĐXL, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được các bên thừa nhận thì xác định quan hệ tranh chấp của hai bên là Tranh chấp Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL, trong đó

nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị của Hợp đồng là 476.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL.

[3] Ngày 16 tháng 3 năm 2015, Công ty SĐ – NT(Bên A) và Công ty TNHH TM XNK Tổng hợp P nay là Công ty Fu (Bên B) ký kết Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL, hạng mục: Cung cấp và lắp đặt thang máy chợ truyền thống thuộc Dự án CĐ - NT với các nội dung 17 Điều khoản trong hợp đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật thương mại và Nghị Định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về Hợp đồng xây dựng.

[4] Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL, hạng mục: Cung cấp và lắp đặt thang máy chợ truyền thống thuộc Dự án CĐ - NT tại nội dung cơ bản Điều 3, Điều 7 xác định Công ty Fu cung cấp và lắp đặt cho Công ty SĐ - NT 02 (hai) thang máy tải hàng kèm người, loại có phòng máy có giá trị hợp đồng là 1.190.000.000 đồng bao gồm: Giá thiết bị thang máy về tới chân công trình, vật tư lắp đặt, chi phí lắp đặt, hiệu chỉnh, tổ chức kiểm tra thang máy cấp giấy chứng nhận thang máy đủ điều kiện an toàn sử dụng và thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị trước khi thi công ngày 10 tháng 09 năm 2015; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng ngày 22 tháng 6 năm 2016; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000442 ngày 09/10/2015 và lời trình bày của hai bên tại phiên tòa chứng minh: Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 21/4/2015 Công ty SĐ - NT tạm ứng Kỳ 1 cho Công ty Fu số tiền là 238.000.000 đồng. Ngày 10/9/2015, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị đồng bộ của hai thang máy về tới chân công trình, nghiệm thu cho phép lắp dựng. Ngày 09/10/2015, Công ty Fu đã xuất hoá đơn số 0000442 thanh toán 60% giá trị hợp đồng kinh tế cho Công ty SĐ - NT và ngày 13/4/2015 Công ty SĐ - NT thanh toán Kỳ 2 số tiền 476.000.000 đồng cho Công ty Fu. Tổng số tiền Công ty SĐ - NT thanh toán cho Công ty Fu là 714.000.000 đồng tương đương 60% giá trị Hợp đồng số 05/2015/CĐ-HĐXL, giá trị hợp đồng còn lại số tiền là 476.000.000 đồng tương đương 40%. Hai bên đã thực hiện đúng tiến độ thanh toán Kỳ 1, Kỳ 2 theo Điều 8 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL.

Ngày 22/6/2016, hai bên đã lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng. Tính đến ngày 07/7/2016 là ngày cuối cùng, Công ty SĐ - NT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu số tiền 461.720.000 đồng tương ứng với 37% theo tiến độ thanh toán “Kỳ 3: Trong vòng 15 ngày, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 97% giá trị hợp đồng khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng” tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL. Khoản tiền 03% giá trị Hợp đồng còn lại là 14.280.000 đồng Bên A sẽ thanh toán cho Bên B khi Bên B xuất trình chứng thư bảo lãnh của ngân hàng hoạt động hợp pháp ở Việt Nam với giá trị tương đương và thời hạn của bảo lãnh bằng thời hạn bảo hành của công trình là 24 tháng” tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL. Thời gian bảo lãnh tính từ ngày 22/6/2016 hai bên nghiệm thu công trình. Như vậy, Công ty SĐ - NT đã vi phạm tiến độ thanh toán giá trị hợp đồng còn lại số tiền là 476.000.000 đồng tại Điều 8 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL được chứng minh qua Công văn số 147/SDNT-CĐ ngày

08/8/2017 và Công văn số 162/2017/SDNT-CD ngày 28/8/2017 của Công ty SD - NT có hẹn thanh toán công nợ cho Công ty Fu trước ngày 30/9/2017.

Công ty SD - NT đã vi phạm hợp đồng về tiến độ thanh toán và vi phạm Điều 50 của Luật Thương mại. Do đó, Công ty Fu yêu cầu Công ty SD - NT thực hiện nghĩa vụ thanh toán 476.000.000 đồng cho Công ty Fu là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại các Điều 351, Điều 353 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Căn cứ thỏa thuận của hai bên tại Khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CD-HDXL hai bên thỏa thuận: “Nếu đến thời hạn thanh toán theo quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này, nhưng Bên A chậm thanh toán thì phải bồi thường cho Bên B theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng tại ngân hàng nơi Bên B mở tài khoản từ ngày hết hạn thanh toán” và theo Văn bản của Ngân hàng thương mại cổ phần ABB – Chi nhánh H – Phòng giao dịch Q ngày 25 tháng 12 năm 2017 gửi Công ty Fu.

Công ty Fu yêu cầu Công ty SD - NT thanh toán khoản tiền lãi chậm thanh toán của số tiền Kỳ 3 là 461.720.000 đồng bị vi phạm, tính từ ngày 08/7/2016 đến ngày xét xử 23/11/2018 là: $461.720.000 \text{ đồng} \times 8,9\%/360 \text{ ngày} \times 867 \text{ ngày}$ chậm thanh toán = 98.965.834 đồng và khoản tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 03% giá trị còn lại là 14.280.000 đồng bị vi phạm là từ ngày 23/6/2018 đến ngày xét xử 23/11/2018 là: $14.280.000 \times 8,9\%/360 \text{ ngày} \times 153 \text{ ngày}$ chậm thanh toán = 540.141 đồng, tổng cộng tiền lãi là: 98.965.834 đồng + 540.141 đồng = 99.505.975 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng số 05/2015/CD-HDXL.

Vậy, Công ty SD - NT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu số tiền là: 476.000.000 đồng + 99.505.975 đồng = 575.505.975 đồng.

[6] Ngoài ra, tại khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CD-HDXL hai bên thỏa thuận: “Nghĩa vụ thanh toán được coi là hoàn thành khi Bên A trả đủ số tiền được thanh toán của Bên B theo Điều 8 của Hợp đồng”.

Vậy, Công ty Fu yêu cầu Công ty SD - NT thanh toán khoản tiền lãi phát sinh chậm thanh toán của số tiền 476.000.000 đồng, tính từ ngày 24/11/2018 cho đến khi trả xong số tiền 476.000.000 đồng theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng tại ngân hàng nơi Bên B mở tài khoản từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại Khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CD-HDXL là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công ty SD - NT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền 575.505.975đ là: $20.000.000 \text{ đồng} + 175.505.975\text{đ} \times 4\% = 27.020.239\text{đ}$.

Hoàn lại cho Công ty Fu 12.782.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 24, Điều 50 của Luật thương mại 2005;
- Căn cứ vào Điều 351, Điều 353 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty SĐ – NT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu số tiền 575.505.975 đồng (năm trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm lẻ năm nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) gồm: 476.000.000 đồng giá trị còn lại của Hợp đồng số 05/2015/CĐ-HĐXL chưa thanh toán và 99.505.975 đồng tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngoài ra, Công ty SĐ – NT phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Fu khoản tiền lãi phát sinh chậm thanh toán của số tiền 476.000.000 đồng, tính từ ngày 24/11/2018 cho đến khi trả xong số tiền 476.000.000 đồng theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng tại ngân hàng nơi Bên B mở tài khoản từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại khoản 15.2 Điều 15 của Hợp đồng kinh tế số 05/2015/CĐ-HĐXL.

2. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Công ty SĐ – NT phải nộp 27.020.239 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Fu 12.782.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0008584 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND Tp. N;
- THADS Tp. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Việt Cường